

Gia Lâm, ngày 01 tháng 6 năm 2021

\*  
Số 35 - KH/HU

## KẾ HOẠCH

tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về “phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn” trên địa bàn huyện Gia Lâm

-----

Thực hiện Kế hoạch số 27-KH/TU ngày 21/5/2021 của Thành ủy Hà Nội về tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 5/12/2011 của Bộ Chính trị về “phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn” trên địa bàn huyện Gia Lâm (gọi tắt là Chỉ thị 10-CT/TW); Ban Thường vụ Huyện ủy Gia Lâm xây dựng Kế hoạch tổng kết như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá đúng tình hình kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền trong việc quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện Chỉ thị; nêu bật những kết quả đạt được, chỉ rõ những hạn chế, yếu kém, nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm. Từ đó đề xuất nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp để tiếp tục củng cố, đẩy mạnh kết quả phổ cập giáo dục các bậc học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành giáo dục - đào tạo và dạy nghề trong thời kỳ mới.

2. Việc tổng kết Chỉ thị phải được tiến hành nghiêm túc, có chất lượng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đặc thù của từng địa phương, đơn vị. Trong quá trình triển khai thực hiện, các cấp ủy cần chỉ đạo chính quyền các cấp, các đơn vị liên quan phối hợp chặt chẽ nhằm thực hiện tốt việc tổng kết Chỉ thị đảm bảo thiết thực, hiệu quả, đúng kế hoạch đề ra.

## II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC

### 1. Nội dung

1.1. Đánh giá kết quả công tác phổ biến, quán triệt và ban hành các văn bản triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW.

1.2. Đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, nhất là việc thực hiện 09 nhiệm vụ và giải pháp đã nêu trong Chỉ thị; những khó khăn, vướng mắc nảy sinh và những vấn đề mới đặt ra trong thực tiễn.

1.3. Dự báo tình hình, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới để thực hiện tốt Chỉ thị.

1.4. Những đề xuất, kiến nghị của cấp uỷ địa phương đối với Trung ương và Thành phố về tổ chức thực hiện Chỉ thị.

1.5. Biểu dương, khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Chỉ thị.

### 2. Hình thức

2.1. **Cấp Huyện:** Căn cứ tình hình dịch bệnh Covid-19 và sự chỉ đạo của Trung ương, Thành phố, Huyện uỷ Gia Lâm sẽ tiến hành tổ chức tổng kết Chỉ thị 10-CT/TW với hình thức phù hợp (*dự kiến hoàn thành trước ngày 10/7/2021*).

2.2. **Cấp cơ sở:** Đánh giá, xây dựng Báo cáo tổng kết thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW (*không tổ chức Hội nghị tổng kết riêng*).

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. **Ban Thường vụ Huyện uỷ:** Chủ trì lãnh đạo, chỉ đạo công tác tổng kết, đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Chỉ thị 10-CT/TW,

### 2. UBND Huyện:

- Chỉ đạo các phòng, ngành liên quan xây dựng Báo cáo tổng kết đánh giá đúng kết quả và đề xuất những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để tiếp tục củng cố, đẩy mạnh phổ cập giáo dục các bậc mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, phân luồng học sinh sau THCS...


- Phối hợp rà soát, đề xuất 01 tập thể hoặc 01 cá nhân tiêu biểu có nhiều thành tích đề nghị Thành uỷ, UBND Thành phố xem xét khen thưởng.

**3. Các Ban Đảng và Văn phòng Huyện ủy:** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy tổ chức thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này.

\* Giao Ban Tuyên giáo Huyện ủy là cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy hướng dẫn, đôn đốc cấp ủy Đảng cơ sở, các phòng, ban, ngành liên quan xây dựng Báo cáo tổng kết; tham mưu giúp Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng Báo cáo của Huyện ủy và tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 10-CT/TW.

**4. Cấp ủy cơ sở:** xây dựng Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 10-CT/TW.

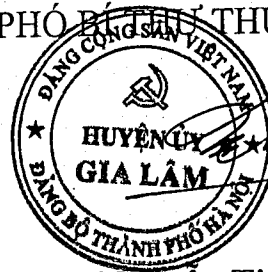
\* Các đơn vị gửi báo cáo tổng kết (theo đề cương gửi kèm) về Huyện ủy Gia Lâm (qua Ban Tuyên giáo Huyện ủy) trước ngày 15/6/2021.

Ban Thường vụ Huyện ủy Gia Lâm yêu cầu các địa phương, cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện Kế hoạch này. / 

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy HN, (để báo cáo)
- Ban Tuyên giáo Thành ủy HN, (để phối hợp)
- TT HĐND, UBND Huyện,
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH huyện, | để
- Các ban Đảng và VP Huyện ủy, | thực
- Các phòng, ban, ngành có liên quan, | hiện
- Cấp ủy cơ sở,
- Lưu.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



**Nguyễn Tiên Việt**





## ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 5/12/2011

Của Bộ Chính trị về “phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố

kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn”

trên địa bàn huyện Gia Lâm

(gửi kèm Kế hoạch số 35 -KH/HU, ngày 01 tháng 6 năm 2021)

-----

### PHẦN THỨ NHẤT

#### TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

#### I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, PHỔ BIẾN, QUẢN TRIỆT, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Đánh giá khái quát những kết quả và hạn chế, yếu kém của địa phương, đơn vị trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW; Kế hoạch số 78-KH/HU ngày 24/12/2013 của Huyện ủy Gia Lâm về tổ chức học tập, quán triệt và xây dựng chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết; Kết luận Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tập trung vào những nội dung:

- Các văn bản đã ban hành (chỉ thị, nghị quyết, thông tri, chương trình, kế hoạch hành động...) của địa phương, đơn vị.
- Số lượng (hoặc tỷ lệ) các xã, thị trấn trong huyện đã ban hành văn bản chỉ đạo để triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW.
- Công tác kiểm tra và giám sát của cấp ủy, chính quyền đối với cấp ủy, chính quyền cơ sở xã, thị trấn.
- Hình thức tổ chức học tập, quán triệt ở từng cấp.
- Tỷ lệ chi bộ tổ chức học tập, quán triệt.
- Tỷ lệ đảng viên được học tập, quán triệt.
- Các hình thức tổ chức học tập Chỉ thị số 10-CT/TW đối với cán bộ, đảng viên và công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, đơn vị.

#### II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Việc đánh giá kết quả thực hiện cần căn cứ vào nội dung của Chỉ thị số 10-CT/TW và Hướng dẫn số 44-HD/BTGTW ngày 09/4/2012 của Ban Tuyên giáo Trung ương về triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, đồng thời có sự so sánh kết quả thực hiện Chỉ thị giai đoạn 05 năm và 10 năm.

**1. Nhiệm vụ và giải pháp thứ nhất:** Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế và bảo đảm các điều kiện cần thiết hỗ trợ bậc mầm non phát triển bền vững; nâng dần tỉ lệ huy động trẻ từ 3 đến 5 tuổi được học mẫu giáo, thực hiện chăm sóc, giáo dục 2

buổi/ngày; hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi vào năm 2015.

- *Kết quả đạt được*

- *Hạn chế, yếu kém*

- *Nguyên nhân*

Trong phần này, cần chú ý hơn một số nội dung:

- Kết quả việc tác động của chính sách (*Trung ương, Thành phố*) đối với công tác phổ cập mầm non; nhất là chính sách đối với đội ngũ giáo viên; xây dựng cơ sở vật chất; hỗ trợ trẻ 3-5 tuổi đi học mẫu giáo, đặc biệt hỗ trợ trẻ mầm non ở khu chế xuất, khu công nghiệp, cơ sở giáo dục ngoài công lập ở vùng khó khăn của địa phương, đơn vị (nếu có).

- Phân tích, so sánh và đánh giá kết quả hoàn thành mục tiêu phổ cập mầm non 5 tuổi cần làm nổi bật sự chuyển biến về chất lượng, tính bền vững và những khó khăn, thách thức của công tác phổ cập này.

**2. Nhiệm vụ và giải pháp thứ hai:** Tiếp tục củng cố vững chắc và phát triển kết quả phổ cập giáo dục đã đạt được; hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi ở những xã, thị trấn chưa đạt chuẩn; từng bước tiến hành phổ cập giáo dục trung học ở những nơi có điều kiện theo quy định của Chính phủ.

- *Kết quả đạt được*

- *Hạn chế, yếu kém*

- *Nguyên nhân*

Trong phần này cần làm nổi bật một số nội dung:

- Kết quả việc củng cố, duy trì và phát triển kết quả phổ cập giáo dục đã đạt được trước khi có Chỉ thị số 10-CT/TW. Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1, mức độ 2, mức độ 3 (theo Nghị định của Chính phủ số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ) nói chung; kết quả phổ cập ở những vùng khó khăn (nếu có).

- Đánh giá sự chuyển biến chất lượng, tính bền vững của phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở; thực trạng phổ cập giáo dục trung học (THPT; trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề (nay là trung cấp); bỏ túc văn hóa trung học phổ thông gắn với dạy nghề) của địa phương, đơn vị.

**3. Nhiệm vụ và giải pháp thứ ba:**

- *Kết quả đạt được*

- *Hạn chế, yếu kém*

- *Nguyên nhân*

Trong phần này cần làm nổi bật một số nội dung:

- Thực trạng của việc xóa mù chữ cho những người trong độ tuổi lao động.

So sánh sự chuyển biến về tỷ lệ và chất lượng người lớn được xóa mù chữ trong 10 năm qua. Các giải pháp để giảm tỷ lệ tái mù chữ ở người lớn.

- Kết quả Nhà nước hỗ trợ địa phương đẩy mạnh công tác xóa mù chữ cho người lớn trong độ tuổi lao động (về chính sách, về kinh phí,...).

**4. Nhiệm vụ và giải pháp thứ tư:** Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện tốt việc phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở theo hướng tăng nhanh tỉ lệ học sinh vào học ở các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề. Tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị dạy và học nghề; hỗ trợ các trung tâm giáo dục thường xuyên dạy bổ túc văn hóa trung học phổ thông gắn với dạy nghề; có cơ chế khuyến khích các cơ sở tuyển dụng học sinh sau trung học cơ sở qua đào tạo nghề; tạo điều kiện thuận lợi để học sinh được học liên thông lên các cấp học cao hơn.

- *Kết quả đạt được*

- *Hạn chế, yếu kém*

- *Nguyên nhân*

Trong phần này cần nêu bật một số nội dung:

- Kết quả phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS; thực trạng, khó khăn, vướng mắc trong phân luồng học sinh sau THCS.

- Thực trạng và những khó khăn, vướng mắc trong việc liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo cao hơn trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Đánh giá tác động chính sách của Nhà nước trong việc thực hiện phân luồng học sinh sau THCS (đối với người dạy, người học, người sử dụng lao động,...); hiệu quả sắp xếp, đầu tư nâng cấp cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở địa phương; chủ trương hợp nhất các trung tâm dạy nghề với trung tâm hướng nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “*về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*” (sau đây gọi là Nghị quyết 19).

**5. Nhiệm vụ và giải pháp thứ năm:** Tập trung nguồn lực phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng và hiệu quả phổ cập giáo dục ở những vùng khó khăn, vùng xa của địa phương (nếu có). Những giải pháp tích cực để giảm tỉ lệ lưu ban và bỏ học đối với học sinh người dân tộc thiểu số (nếu có).

- *Kết quả đạt được*

- *Hạn chế, yếu kém*

- *Nguyên nhân*

Trong phần này cần chú ý hơn vào một số nội dung:

- Thực trạng phân bổ và sử dụng các nguồn lực của Trung ương, Thành phố

và địa phương để củng cố và phát triển kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở (mức độ 1, mức độ 2, mức độ 3).

#### 6. Nhiệm vụ và giải pháp thứ sáu:

- Kết quả đạt được
- Hạn chế, yếu kém
- Nguyên nhân

Trong phần này cần chú ý hơn vào một số nội dung:

- Nêu thực trạng và khó khăn của địa phương, đơn vị trong thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng giáo viên gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XI), ngày 04/11/2013 về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” (sau đây gọi là Nghị quyết số 29) và chủ trương đổi mới công tác quản lý giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch số 105-KH/TU ngày 28/11/2013 của Thành ủy Hà Nội; Kế hoạch số 78-KH/HU ngày 24/12/2013 của Huyện ủy Gia Lâm về tổ chức học tập, quán triệt và xây dựng chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết, Kết luận Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

- Cơ chế, chính sách thu hút của địa phương đối với học sinh giỏi đi học sư phạm.

#### 7. Nhiệm vụ và giải pháp thứ bảy:

Bổ sung, hoàn thiện chế độ đãi ngộ đối với giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Có chế độ thu hút giáo viên công tác tại vùng khó khăn và giáo viên dạy bổ túc văn hóa trung học phổ thông cho cơ sở dạy nghề và các trung tâm giáo dục thường xuyên.

- Kết quả đạt được
- Hạn chế, yếu kém
- Nguyên nhân

Trong phần này cần làm nổi bật một số nội dung:

- Việc hoàn thiện và triển khai chính sách đãi ngộ Nhà nước và địa phương, đơn vị đối với giáo viên (công lập, ngoài công lập) nhằm nâng cao chất lượng giáo dục gắn với rà soát, sắp xếp lại đội ngũ giáo viên, nhất là sau khi có Nghị quyết số 19-NQ/TW; Nghị quyết số 29-NQ/TW. Vấn đề thừa, thiếu giáo viên.

- Cơ chế, chính sách thu hút đối với giáo viên, nhất là giáo viên đang công tác tại những vùng khó khăn, các giáo viên công tác ở vùng xa, vùng có đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có), giáo viên dạy bổ túc văn hóa, giáo viên thực hiện công tác phổ cập đã hợp lý chưa? Cần bổ sung cơ chế, chính sách gì?

- Cơ chế, chính sách ưu đãi đối với giáo viên ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhất là sau khi hợp nhất trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng



và cao đẳng nghề.

**8. Nhiệm vụ và giải pháp thứ tám:** Huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển mạng lưới trường lớp, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy và học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, phục vụ thiết thực công tác phổ cập giáo dục. Thực hiện tốt chương trình đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nghề; đồng thời tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục.

- *Kết quả đạt được*

- *Hạn chế, yếu kém*

- *Nguyên nhân*

Trong phần này cần làm nổi bật một số nội dung:

- Thực trạng công tác xã hội hóa giáo dục ở các địa phương, đơn vị; sử dụng các nguồn lực (Nhà nước, xã hội) đầu tư cho giáo dục. Hoạt động trường ngoài công lập hệ phổ thông của địa phương.

- Kết quả huy động và sử dụng nguồn lực thực hiện mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục.

- Thực trạng triển khai Chương trình Xây dựng nông thôn mới gắn với việc xây dựng cơ sở vật chất phục vụ giáo dục, trong đó có công tác phổ cập.

- Kết quả thực hiện chủ trương đổi mới cơ chế hoạt động của các trường công lập, nhất là trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT; các trường chất lượng cao, trường thực hiện tự chủ (nếu có), nhất là sau khi có Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- So sánh mức đầu tư ngân sách cho xóa mù chữ trong 10 năm.

**9. Nhiệm vụ và giải pháp thứ chín:** Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác phổ cập giáo dục. Làm tốt công tác tuyên truyền vận động, kịp thời biểu dương người tốt, việc tốt và những đơn vị làm tốt công tác phổ cập giáo dục; phối hợp liên ngành, phát huy kết quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa công tác phổ cập giáo dục. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát để bảo đảm nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục.

- *Kết quả đạt được*

- *Hạn chế, yếu kém*

- *Nguyên nhân*

Trong phần này cần làm nổi bật một số nội dung:

- Kết quả triển khai chương trình, kế hoạch công tác của địa phương, đơn vị; công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện phổ cập, xóa mù chữ của cấp ủy đảng, chính quyền, kết quả hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội của địa phương, đơn vị

trong việc thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW.

- Công tác tuyên truyền vận động, biểu dương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến trong việc triển khai phổ cập, xóa mù chữ.

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm
2. Hạn chế, khuyết điểm
3. Nguyên nhân của ưu điểm, hạn chế

### IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

#### PHẦN THỨ HAI

#### PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP

#### THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2030

Phần này cần bám sát nội dung Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”; Kết luận số 51-KL/TW ngày 29/10/2019 của Ban Bí thư về “*Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ của địa phương, đơn vị nhiệm kỳ 2020-2025 và những vấn đề đặt ra sau 10 năm thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW trên cơ sở đó xây dựng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp đẩy mạnh công tác phổ cập giáo dục và phân luồng học sinh đến năm 2030.

#### I. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU

#### II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

#### III. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị đề xuất với Trung ương
2. Kiến nghị đề xuất với Thành phố

#### PHỤ LỤC

(có biểu mẫu gửi kèm)

**Phụ lục báo cáo số liệu  
Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW**

**1. Số liệu giáo viên mầm non**

Năm	Tổng số		Trình độ		Dân tộc		Công lập				Ngoài công lập	Tỷ lệ GV/lớp
	Nam	Nữ	Chuẩn	Trên chuẩn	Kinh	Thiểu số	Biên chế	Hợp đồng	Thừa	Thiếu		
2011												
2016												
2021												

**2. Số liệu giáo viên tiểu học**

Năm	Tổng số		Trình độ		Dân tộc		Công lập				Ngoài công lập	Tỷ lệ GV/lớp
	Nam	Nữ	Chuẩn	Trên chuẩn	Kinh	Thiểu số	Biên chế	Hợp đồng	Thừa	Thiếu		
2011												
2016												
2021												

### 3. Số liệu giáo viên THCS

Năm	Tổng số		Trình độ		Dân tộc		Công lập				Ngoài công lập	Tỷ lệ GV/Iớp	
	Nam	Nữ	Chuẩn	Trên chuẩn	Kinh	Thiểu số	Biên chế	Hợp đồng	Thừa	Thiếu			
2011													
2016													
2021													

### 4. Số liệu học sinh trong độ tuổi đi học mẫu giáo

Năm	Trẻ 3-4 tuổi				Trẻ mầm non 5 tuổi							
	Tổng số	Được đi học	Tổng số	Được đi học	Công lập	Ngoài công lập	Khuyết tật học hòa nhập	Tỷ lệ HS/lớp	Bỏ học	Trẻ học 2 buổi/ngày	Trẻ ăn bán trú	
2011												
2016												
2021												

### 5. Số liệu học sinh tiểu học

Năm	Tổng số	Học sinh dân tộc		Công lập		Ngoài công lập		Học sinh nội trú (nếu có)		Học sinh bán trú (nếu có)		Học sinh học 2 buổi/ngày	Khuyết tật học hòa nhập	Tỷ lệ HS/Iớp	Lưu ban	Bỏ học
		sinh	đan tộc	sinh	lập	sinh	lập	sinh	trú (nếu có)	sinh	bán trú (nếu có)					

2011																			
2016																			
2021																			

#### 6. Số liệu học sinh THCS

Năm	Tổng số	Học sinh dân tộc	Học sinh nữ	Công lập	Ngoài công lập	Học sinh nội trú (nếu có)	Học sinh bán trú (nếu có)	Học sinh bán trú	Học sinh 2 buổi/ngày	Khuyết tật học hòa nhập	Tỷ lệ HS/lớp	Lưu ban	Bỏ học
2011													
2016													
2021													

#### 7. Cơ sở vật chất

Năm	Tổng số trường		Tỷ lệ trường đạt chuẩn	Tỷ lệ trường chưa đạt chuẩn
	Mâm non	Tiêu học		
		THCS		
2011				
2016				
2021				

8. Số liệu về xóa mù chữ

Năm	Độ tuổi từ 15-35						Độ tuổi từ 36-60					
	Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	Xóa mù mức 1	Xóa mù mức 2	Tái mù chữ	Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	Xóa mù mức 1	Xóa mù mức 2	Tái mù chữ
2011												
2016												
2021												

9. Số liệu về phân luồng học sinh sau THCS

Năm	Tổng số trường THCS	Tổng số trường có chương trình GD hướng nghiệp	Có giáo viên kiêm nhiệm làm công tác hướng nghiệp	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đi học GDDN	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đi học THPT
2011					
2016					
2021					